

HIRCHSPRUNG

1. Bệnh Hirschsprung là bệnh lý đặc trưng bởi sự vô hạch bẩm sinh của
 - A. Đám rối cơ ruột ở đoạn cuối đại - trực tràng và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ
 - B. Đám rối TK cơ ruột ở đoạn cuối hồng tràng và lan rộng xuống phía dưới theo nhiều mức độ
 - C. Đám rối cơ ruột ở đoạn cuối ống tiêu hoá và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ
 - D. Đám rối TK cơ ruột ở đoạn cuối ống tiêu hoá và lan rộng lên phía trên theo nhiều mức độ**
2. Bệnh cảnh lâm sàng của Hirschsprung là:
 - A. Chướng bụng
 - B. Bán tắc ruột
 - C. Tắc ruột**
 - D. Tất cả đều sai
3. Điều nào sau đây là đúng khi nói về Hirschsprung:
 - A. Tỷ lệ trẻ mắc bệnh là 1/500000 **1/5000**
 - B. Trong mọi trường hợp đều ưu thế ở nam với tỷ lệ $\frac{1}{4}$ **4/1**
 - C. Dị dạng phối hợp thường gặp nhất là HC Down (2-5%) **Phối hợp dị tật niệu dục (3-5%)**
 - D. Tất cả đều sai**
4. Nguồn gốc của các tế bào hạch TK cơ ở ruột xuất phát từ:
 - A. Nguyên bào TK
 - B. Mào TK**
 - C. Tế bào hạch TK nguyên thủy
 - D. Hạch bì – cơ
5. Điều nào sau đây là **sai** khi nói về quá trình hình thành đám rối TK cơ ruột
 - A. Nguyên bào TK xuất hiện đầu tiên ở vùng hậu hống từ tuần thứ 5 thai kỳ**
 - B. Nguyên bào TK sẽ di chuyển theo chiều từ trên xuống dưới theo ống tiêu hoá từ tuần thứ 5 - tuần 12
 - C. Nơi định vị đầu tiên của nguyên bào thần kinh là ở dưới niêm mạc, bên trong lớp cơ dọc**
 - D. A, C**
6. Sự vô hạch trong bệnh Hirschsprung là do:
 - A. Các tế bào mào TK không di chuyển vào ống tiêu hoá
 - B. Các nguyên bào TK không di chuyển từ lớp dưới niêm ra giữa 2 lớp cơ
 - C. Sự ngưng trệ trong quá trình di chuyển các nguyên bào TK**
 - D. B, C đúng

7. Sự ngưng trệ di chuyển các nguyên bào thần kinh từ tuần thứ 12 - tuần 16 thai kỳ sẽ gây:

- A. Không gây bệnh
- B. Bệnh Hirschsprung**
- C. Không có đám rối Auerbach
- D. Không có đám rối Meissner**

8. Đặc điểm “co thắt liên tục và không có khả năng dẫn truyền sóng nhu động” là nói về:

- A. Đoạn ruột lạnh trên đoạn ruột tổn thương
- B. Đoạn chuyển tiếp.
- C. Đoạn ruột tổn thương**
- D. B, C đúng

9. Đặc điểm “thành ruột dày, xoá mất các dải cơ dọc, niêm mạc phù nề” là nói về:

- A. Đoạn ruột lạnh trên đoạn ruột tổn thương**
- B. Đoạn chuyển tiếp.
- C. Đoạn ruột tổn thương
- D. B, C đúng

10. Điều nào sau đây là đúng về sinh lý bệnh bệnh Hirschsprung:

- A. Hoạt động cơ ruột được điều hòa bởi hệ thống các sợi kích thích tiết adrenalin và ức chế tiết acetylcholin
- B. Do không có hệ thống TK cơ ruột chức năng, đoạn ruột bệnh lý luôn trong trạng thái dẫn và mất nhu động
- C. Đoạn ruột lạnh ngay trên đoạn tổn thương do bị ứ đọng phân nên tăng co bóp, hậu quả lâu dài sẽ gây dẫn và thành ruột dày dần lên.**
- D. Tất cả đều đúng

11. Có bao nhiêu cách chia thể lâm sàng trong bệnh Hirschsprung:

- A. 1: theo chiều dài đoạn vô hạch**
- B. 2: theo chiều dài đoạn vô hạch và độ dày của thành ruột đoạn lạnh
- C. 2: theo chiều dài đoạn vô hạch và theo sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn lạnh và đoạn tổn thương
- D. 1: theo sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn lạnh và đoạn tổn thương

12. Thể lâm sàng đoạn vô hạch dài, chọn câu SAI:

- A. Yếu tố gợi ý: dấu tháo cống không rõ, Xquang vùng chuyển tiếp ở đại tràng trái hay đại tràng ngang
- B. Dễ chẩn đoán lâm với HC nút phân su
- C. Chẩn đoán khi giới hạn đoạn vô hạch vượt quá đại tràng góc lách (Quá ĐT Sigma)**
- D. Ứ đọng cản quang ở phim chụp sau 24h cũng là 1 yếu tố gợi ý

13. Thể thường gặp của Hirschsprung là thương tổn ở:

- A. Đại tràng ngang
- B. Đại tràng xuống và đại tràng sigma
- C. Đại tràng sigma và trực tràng**
- D. Trực tràng và ống hậu môn

14. Điều nào sau đây là SAI khi mô tả về hình dáng đại thể ống tiêu hóa trong bệnh Hirschsprung

- A. Đoạn vô hạch kích thước nhỏ hơn bình thường, không nhu động
- B. Đoạn chuyển tiếp hình phễu
- C. Đoạn ruột lành thành dày, dài cơ dọc bị xóa, khẩu kính tùy mức độ tắc nghẽn, mạch máu dẫn, niêm phù nề, loét ±
- D. Đoạn ruột dưới đoạn vô hạch xẹp, không có hơi** Đường kính hẹp, có vẻ bình thường về hình dáng và mật độ.

15. Điều nào sau đây là đúng về hình ảnh vi thể của đoạn ruột tổn thương trong bệnh Hirschsprung:

- A. Sự vắng mặt của tế bào hạch thần kinh ở dưới niêm mạc
- B. Sự vắng mặt của tế bào hạch thần kinh ở giữa 2 lớp cơ
- C. Sự có mặt của than thần kinh phi đại có myelin
- D. A, B đúng**
- E. A, B, C đúng

16. Triệu chứng lâm sàng cơ năng ở trẻ sơ sinh và nhũ nhi theo thứ tự thời gian là:

- A. Trướng bụng => chậm tiêu phân su => nôn => tiêu chảy
- B. Chậm tiêu phân su => trướng bụng => nôn => tiêu chảy
- C. Chậm tiêu phân su => trướng bụng => nôn**
- D. Trướng bụng => chậm tiêu phân su => nôn

17. Khi có hạ thân nhiệt, ta phải nghĩ đến:

- A. Viêm ruột
- B. Nhiễm trùng đường tiêu hóa (-)
- C. Nhiễm trùng huyết Gr (-)**
- D. Thủng ruột, viêm phúc mạc

18. Triệu chứng nào sau đây có thể gặp ở trẻ Hirschsprung, chọn câu **SAI**:

- A. Xanh xao, bứt rứt, ngủ lịm
- B. Thở chậm, sâu do toan chuyển hóa** Thở nhanh do bụng chướng làm hạn chế hoạt động cơ hoành
- C. Mạch nhanh có thể do giảm thể tích hoặc nhiễm trùng
- D. Trường hợp không rõ ràng: bán tắc hay táo bón lặp đi lặp lại

19. Điều nào sau đây là SAI khi khám BN Hirschsprung

- A. Khám bụng thường thấy căng chướng, tăng cường độ và tần số nhu động ruột
- B. Sợ biến chứng thủng hay nhiễm trùng khi không khám thấy nhu động ruột
- C. Thăm trực tràng có thể không tiến hành nếu bé quá nhỏ**
- D. Dấu hiệu tháo cống là dấu hiệu có giá trị

20. BN nam, 13 tháng tuổi, có tình trạng khó đi cầu từ sau sanh và táo bón dai dẳng, phải dùng tọạ được, thuốc nhuận tràng hay thụt tháo thì mới đi tiêu được, khám thấy tình trạng dinh dưỡng không tốt, bụng trướng, khối ở vùng HC (T), lồng ngực ngấn, tăng đường kính trước – sau, thăm trực tràng thấy bóng trực tràng rỗng, ta nghĩ tới

- A. Tắc ruột do phân
- B. Tắc ruột do u đại trực tràng

C. Hirschsprung

D. Crohn

21. BN nữ, 2 ngày tuổi, nôn ói ít sau bú sữa, không đi tiêu sau sinh, khám thấy bụng trướng, khối ở vùng hạ vị, thờ nhanh, thăm trực tràng thấy bóng trực tràng rỗng, không thấy dấu tháo cống, ta nghĩ tới

- A. Tắc ruột do phân
- B. Tắc ruột do u đại trực tràng **Rất hiếm gặp.**
- C. Hirschsprung

D. A, C đúng

22. Ở bệnh Hirschsprung, Xquang bụng không sửa soạn cho hình ảnh

- A. Các quai ruột dẫn hơi rõ ở sigma, đại tràng trái và đại tràng ngang
- B. Văng hơi trong khung chậu và bóng trực tràng
- C. Có sự chênh lệch khẩu kính giữa đoạn ruột bệnh lý và đoạn lành **XQ cân quang mới có thể thấy được**

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

23. Đoạn chuyển tiếp hình phễu sẽ thấy rõ trên

- A. Phim Xquang bụng không sửa soạn
- B. Phim Xquang đại tràng cân quang**
- C. A, B đúng

D. Chỉ B đúng

24. Điều nào sau đây là SAI khi nói về chỉ số RSI:

- A. Sử dụng trong trường hợp không thấy rõ đoạn chuyển tiếp
- B. Là tỷ số khi lấy đường kính lớn nhất của đại tràng chậu hông chia cho đường kính lớn nhất của trực tràng (Tính ngược lại)**
- C. Xem là bệnh khi $RSI < 1$

25. Trên phim Xquang đại tràng cản quang bệnh Hirschsprung, ta thấy hình ảnh:
- A. 3 đoạn: đoạn vô hạch cứng, bờ nhẵn, vùng chuyển tiếp dạng phễu, đoạn dẫn, ú phân
 - B. Đại tràng đồng dạng, khẩu kính bình thường, ruột non dẫn, có nhiều mức nước hơi
 - C. Đại tràng co thắt, niêm mạc phù nề, đoạn chuyển tiếp không rõ
 - D. A, C đúng
 - E. A, B, C đúng**

26. Điều nào sau đây là SAI khi nói về phương pháp đo áp lực hậu môn trực tràng:
- A. Tiến hành dựa trên phản xạ ức chế hậu môn – trực tràng
 - B. Trương lực không hề thay đổi khi áp lực trong bóng trực tràng tăng
 - C. Có thể gây dương tính giả khi thực hiện ở trẻ sanh non hay trẻ < 15 ngày
 - D. Cơ thắt trong không co lại được Luôn trong tình trạng co thắt.**

27. Điều nào sau đây đúng khi nói về phản xạ hậu môn – trực tràng:
- A. Là thành phần quan trọng trong cơ chế giữ và bài xuất phân
 - B. Khi bóng trực tràng căng, cơ thắt trong sẽ dẫn thoát qua
 - C. Hoạt động thần kinh của phản xạ này do đám rối hạch thần kinh thành trực tràng chi phối
 - D. A, B đúng
 - E. A, B, C đúng**

28. Điều nào sau đây là SAI:
- A. Trong mọi trường hợp, sinh thiết là bằng chứng quan trọng nhất để kết luận bệnh Hirschsprung
 - B. Ta có thể sinh thiết ruột bằng nhiều phương pháp: qua ngà hậu môn, qua ngà bụng, hút trực tràng
 - C. Khi định lượng men acetylcholine từ thành ruột của BN Hirschsprung, ta thấy có sự tăng bất thường Trong sợi thần kinh, cơ thành ruột**
 - D. Độ tin cậy của phương pháp đo áp lực hậu môn – trực tràng là 85 – 95%

BH/121

29. Điều nào sau đây là SAI khi nói về thể vô hạch toàn bộ đại tràng Không có DH tháo cống.
- A. LS biểu hiện ngay sau sanh, có dấu tháo cống và nguy cơ viêm ruột cao (30 – 40%)**
 - B. Xquang thấy không có sự thay đổi khẩu kính đại tràng, tuy nhiên không thấy ngấn đại tràng
 - C. Đại tràng hình dấu hỏi, dẫn hơi ruột non
 - D. Xquang sau cản quang 24 h thấy có ứ đọng ở hồi tràng

30. Thể lâm sàng vô hạch cực ngắn
- A. Khi đoạn vô hạch khoảng 2-4cm
 - B. Khi đoạn vô hạch khu trú ở 1/2 dưới trực tràng
 - C. Khi đoạn vô hạch từ đường lược đến đốt sống cùng 2 S3

D. A, B đúng

E. A, B, C đúng

31. Các yếu tố trong chẩn đoán Hirschsprung thể vô hạch đoạn cực ngắn:

A. Táo bón mạn tính

~~B. Xquang thường không phát hiện bất thường~~

~~C. Tăng phản xạ hậu môn – trực tràng~~

D. Yếu tố quan trọng là không có sợi TK tiết nitric oxide và tăng acetylcholine **Men Achase**

E. A, D đúng

F. A, B, C, D đúng

32. Bệnh nhi 2 ngày tuổi đến trong bệnh cảnh tắc ruột, ta cần nghĩ đến:

A. CTSN do tai biến sản khoa

B. Hirschsprung

C. Nhược giáp hay phó giáp **cường phó giáp**

D. Cường thượng thận **nhược thượng thận**

E. A, B đúng

F. A, B, C, D đúng

33. Khi chẩn đoán Hirschsprung, ta cần cân trọng với các khả năng khác là:

A. Tắc ruột phân su

B. Teo ruột non

C. Teo đại tràng

D. A, B, C đúng

34. Trong các biến chứng của Hirschsprung, biến chứng đáng sợ nhất là:

A. Rối loạn điện giải

B. Viêm ruột **Viêm ruột non - đại tràng, dễ gây tử vong.**

C. Thủng ruột

D. A, B, C đúng

35. Nguyên nhân chính khiến bệnh Hirschsprung trở nên trầm trọng và tử vong là:

A. Nôn ói

B. Tiêu chảy

C. Viêm ruột

D. A, B, C đúng

36. Các trường hợp Hirschsprung thường gặp biến chứng viêm ruột có đặc điểm là:

A. Tuổi < 3 tháng

B. Đoạn vô hạch dài

C. Thiếu hệ thống miễn dịch

D. A, B, C đúng

37. Lâm sàng viêm ruột của bệnh Hirschsprung là:

- A. Trướng bụng
- B. Tiêu chảy mạn
- C. Sốt
- D. A, C đúng**
- E. A, B, C đúng

Tình trạng nhiễm trùng - nhiễm độc nặng (da niêm nhạt, sốt cao, hạ thân nhiệt, đôi khi có trụy mạch), bụng chướng căng bóng, ấn đau, tiêu lỏng, màu nâu nhạt, rất hôi thối.

38. Viêm ruột được chia thành bao nhiêu mức độ:

- A. 2: thủng và chưa thủng
- B. 3: nhẹ, TB, nặng**
- C. 2 có biến chứng và chưa có biến chứng
- D. 3: nhẹ, nặng, nhiễm trùng huyết

39. TC giúp phân biệt các mức độ của biến chứng viêm ruột trong Hirschsprung là:

- A. Tiêu chảy
- B. Nôn ói
- C. Chướng bụng
- D. Triệu chứng toàn thân**

39. Triệu chứng của viêm ruột mức độ nhẹ chọn câu SAI:

- A. Tiêu chảy nhẹ
- B. Trướng bụng nhẹ
- C. Sốt nhẹ**
- D. Trướng bụng TB

40. Triệu chứng nào sau đây là của viêm ruột mức độ TB

- A. Trướng bụng TB
- B. Tiêu chảy trung bình
- C. Triệu chứng toàn thân nhẹ
- D. A, B, C đúng**

41. Triệu chứng nào sau đây không phải của viêm ruột mức độ nặng:

- A. Tiêu chảy nặng
- B. Trướng bụng đáng kể
- C. Sốc, dọa sốc
- D. Triệu chứng đường tiết niệu.**

42. Điều nào sau đây không đúng trong tiến triển viêm ruột ở bệnh Hirschsprung

- A. Loét ống tiêu hóa ở đoạn ruột vô hạch (Đ)
- B. Loét ống tiêu hóa ở đoạn ruột có hạch (Đ)
- C. Nguy cơ thủng nếu không điều trị ổ loét (Đ)**

loét cả ở đoạn vô hạch và có hạch
Nguy cơ thủng ở vùng chuyển tiếp, manh tràng, ruột thừa.

D. A, B sai

43. Điều nào sau đây là **SAI** khi nói về sinh lý bệnh của biến chứng viêm ruột trên bệnh nhân Hirschsprung

A. Đoạn ruột tổn thương không có nhu động và luôn trong tình trạng co thắt => ứ phân ở đoạn ruột trên đoạn tổn thương

B. Sự ứ đọng phân khiến vi khuẩn tăng sinh quá mức

C. Sự suy giảm cơ chế đề kháng: chất nhầy mucin và IgG hiện diện trong ruột

D. VK tăng sinh + suy giảm cơ chế đề kháng => xâm nhập thành ruột

44. Ta thấy có sự gia tăng tần suất viêm ruột trên bệnh nhân Hirschsprung có kèm HC Down là do:

A. Đoạn ruột vô hạch dài

B. Phổ vi khuẩn đường ruột khác biệt

C. Khiếm khuyết hệ thống miễn dịch

D. A, C đúng

45. Biến chứng thủng của bệnh Hirschsprung thường

Nguy cơ thủng ở vùng chuyển tiếp, manh tràng, ruột thừa. Hay gặp ở thể vô hạch dài.

A. Xảy ra ở trẻ < 3 tháng tuổi

B. Vị trí thủng thường gặp là đoạn vô hạch, trực tràng, đại tràng sigma

C. Tỷ lệ tử vong cao 20 – 60%

D. A, B, C đúng

46. Nguyên nhân thúc đẩy biến chứng thủng ống tiêu hóa trong bệnh Hirschsprung:

A. Viêm ruột, loét ống tiêu hóa

B. Tăng áp lực trong lòng ruột

C. Do thủ thuật can thiệp

D. A, B, C đúng

47. Trên BN Hirschsprung, hình ảnh Xquang gợi ý biến chứng thủng là:

A. Tràn khí phúc mạc

B. Dẫn các quai ruột, mức khí dịch

C. Không có khí vùng tiểu khung và trực tràng

D. A, B, C đúng

48. BN 2 tháng tuổi, nhập viện với bệnh cảnh chướng bụng, nôn mật, có cảm ứng phúc mạc, khi phẫu thuật mở bụng thám sát, hình ảnh nào sau đây gợi ý cho ta bệnh Hirschsprung

A. Tất cả quai ruột đều giãn, không có nhu động

- B. Giãn 1 đoạn ruột bên trên 1 đoạn ruột không giãn
- C. Có nhiều đoạn giãn và không giãn xen kẽ nhau
- D. Giãn 1 đoạn ruột bên trên 1 đoạn ruột không giãn mà không có nguyên nhân thực thể**

49. Điều nào sau đây là đúng trong điều trị bệnh Hirschsprung

- A. Chỉ định điều trị triệt để đặt ra khi có chẩn đoán cho trẻ ≥ 6 tháng
- B. Nguyên tắc là cắt bỏ đoạn hẹp vô hạch, giảm áp và bảo toàn cơ thắt trong, tránh thương tổn TK niệu dục
- C. Phương pháp điều trị điều dưỡng và hậu môn tạm là 2 phương pháp điều trị tạm thời**
- D. B, C đúng

50. Trong phương pháp điều dưỡng, chọn câu SAI

- A. Thụt tháo 1 lần / ngày với nước muối đẳng trương ấm pha dầu**
- B. Thông trực tràng thường dùng là cỡ 16 hay 18F
- C. Chế độ ăn giàu dinh dưỡng và nhuận trường
- D. Huấn luyện người nhà để thực hiện tại nhà, kết hợp với tái khám hằng tháng để đánh giá hiệu quả điều trị

51. Trường hợp nào sau đây ta sẽ điều trị tạm thời bằng phương pháp hậu môn tạm:

- A. Lâm sàng tắc ruột rõ + thể vô hạch dài
- B. Khi đã có biến chứng: viêm ruột, nhiễm trùng huyết, thủng**
- C. A, B đúng
- D. Chỉ A đúng

52. Để chuẩn bị bệnh nhân trước mổ, các công việc cần tiến hành. TRỪ:

- A. 3 – 5 ngày trước mổ, thụt tháo mỗi ngày
- B. 3 – 5 ngày trước mổ, ăn chế độ ít bã 2-3 ngày**
- C. Kháng sinh cefotaxim 100mg/kg/ngày, 1 ngày trước phẫu thuật
- D. A, C đúng

53. Phương pháp điều trị triệt để bệnh Hirschsprung là

- A. Xạ trị
- B. Phẫu thuật**
- C. Công nghệ SHPT
- D. B, C đúng

54. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây không dùng để điều trị bệnh Hirschsprung

- A. SWENSON

- B. DUHAMEL
- ☒ C. SOA-BULEY
- D. Hạ đại tràng qua ngả hậu môn

55. Phương pháp phẫu thuật đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới để điều trị Hirschsprung

- A. SWENSON
- B. DUHAMEL
- C. SOAVE-BOLEY
- ☒ D. Hạ đại tràng qua ngả hậu môn

56. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp đoạn vô hạch không vượt quá đại tràng sigma

- ☒ A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn đơn thuần
- B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma
- C. Phẫu thuật SWENSON
- D. Phẫu thuật DUHAMEL

57. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp đoạn vô hạch dài

- A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn đơn thuần
- ☒ B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma
- C. Phẫu thuật SWENSON
- D. Phẫu thuật DUHAMEL

58. Phương pháp phẫu thuật nào sau đây là đúng với trường hợp vô hạch toàn bộ đại tràng

- A. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn đơn thuần
- B. Phẫu thuật hạ đại tràng qua ngả hậu môn kết hợp triệt mạch đoạn đại tràng vô hạch phía trên đại tràng sigma
- C. Phẫu thuật SWENSON
- ☒ D. Phẫu thuật DUHAMEL

59. Trường hợp nào sau đây ta sẽ hoãn phẫu thuật điều trị triệt để đến khi trẻ ≥ 6 tháng tuổi (6kg)

- A. Tất cả các trường hợp
- B. Đoạn vô hạch dài
- ☒ C. Vô hạch toàn bộ đại tràng
- D. B, C đúng

60. Túi chứa chữ J làm bằng đoạn cuối hồi tràng được đề ra trong trường hợp nào
- A. Tất cả các trường hợp
 - B. Đoạn vô hạch dài
 - C. Vô hạch toàn bộ đại tràng**
 - D. B, C đúng

LÔNG RUỘT

1. Ca mổ tháo lồng đầu tiên diễn ra thành công vào năm
 - A. 1674
 - B. 1871**
 - C. 1876
 - D. 1927
2. Phương pháp thắt tháo bằng cân quang để chẩn đoán và điều trị lồng ruột xuất hiện trên thế giới vào năm nào
 - A. 1674
 - B. 1871
 - C. 1876
 - D. 1927**
3. Lồng ruột là gì
 - A. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui 2 đầu vào lòng 2 đoạn ruột kế cận
 - B. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui vào lòng 1 đoạn ruột khác
 - C. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột chui vào lòng 1 đoạn ruột kế cận**
 - D. Là trạng thái bệnh lý tạo nên do 1 đoạn ruột non chui vào lòng 1 đoạn ruột già
4. Cơ chế tắc ruột trong lồng ruột là
 - A. Bít nút
 - B. Thắt nghẽn
 - C. Thiếu máu và hoại tử => liệt ruột
 - D. A, B đúng**
5. Điều nào sau đây là SAI khi nói về lồng ruột
 - A. Là cấp cứu bụng ngoại khoa thường gặp
 - B. Có thể xảy ra ở bất kỳ thời điểm nào, kể cả giai đoạn bào thai
 - C. Tỷ lệ nam:nữ là 1:2**
 - D. Tần suất mắc là 2 – 4/1000
6. Nhận định nào sau đây là đúng
 - A. Lồng ruột là 1 trong những nguyên nhân teo ruột non**
 - B. Lồng ruột ở trẻ > 1 tuổi thường có nguyên nhân thực thể